

Mã nhận dạng 04883

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC  
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thí nghiệm Hóa ĐC - 67-202304

CBGD:

[illegible]

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC  
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thí nghiệm Hóa DC - 67-202304

CBGD:

| STT | Mã SV    | Họ và tên       | LỚP    | Ký<br>tên | Số<br>tờ      | Đ 1<br>( % ) | Đ 2<br>( % ) | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô tròn điểm phần nguyên | Tô tròn điểm phần lẻ |
|-----|----------|-----------------|--------|-----------|---------------|--------------|--------------|-------------|----------------|--------------------------|----------------------|
| 18  | 14113439 | VÕ AN           | HUY    | DH14NHNT  | <i>Huy</i>    |              |              | 5           | 5              |                          |                      |
| 19  | 14113442 | ĐÀNG NĂNG HOÀI  | LINH   | DH14NHNT  |               |              |              |             |                |                          |                      |
| 20  | 14113443 | TRẦN ĐÌNH       | LONG   | DH14NHNT  | <i>25</i>     |              |              | 7           | 7              |                          |                      |
| 21  | 14113444 | NGÔ THÀNH       | LUÂN   | DH14NHNT  | <i>Luân</i>   |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 22  | 14113445 | QUẢNG THÀNH     | LUÂN   | DH14NHNT  | <i>Quảng</i>  |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 23  | 14113446 | NGUYỄN THỊ KIM  | MİN    | DH14NHNT  | <i>Kim</i>    |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 24  | 14113447 | NGUYỄN THỊ      | MỸ     | DH14NHNT  | <i>Thị</i>    |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 25  | 14113449 | LÊ HỮU          | NHIỆM  | DH14NHNT  | <i>Le</i>     |              |              | 6           | 6              |                          |                      |
| 26  | 14113450 | TRẦN VINH       | PHÁT   | DH14NHNT  | <i>Phát</i>   |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 27  | 14113451 | TRẦN VĂN        | PHONG  | DH14NHNT  | <i>Phong</i>  |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 28  | 14113452 | NGUYỄN ĐẮC      | PHÚ    | DH14NHNT  | <i>Phu</i>    |              |              | 9           | 9              |                          |                      |
| 29  | 14113453 | LÊ CÔNG         | PHÚC   | DH14NHNT  | <i>Phu</i>    |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 30  | 14113454 | BUI VĂN         | PHỤNG  | DH14NHNT  | <i>Phu</i>    |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 31  | 14113455 | NGUYỄN THỊ THUY | PHƯƠNG | DH14NHNT  | <i>Phuong</i> |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 32  | 14113456 | NGUYỄN THIÊN    | PHƯỚC  | DH14NHNT  | <i>Phu</i>    |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 33  | 14113457 | PHAN NHƯ NHẬT   | QUYÊN  | DH14NHNT  | <i>Quyên</i>  |              |              | 8           | 8              |                          |                      |
| 34  | 14113459 | NGUYỄN HỮU      | SOÀI   | DH14NHNT  | <i>Soi</i>    |              |              | 8           | 8              |                          |                      |

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC  
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thí nghiệm Hóa DC - 67-202304

CBGD:

| STT | Mã SV    | Họ và tên       | LỚP   | Ký tên   | Số<br>tờ      | Đ 1<br>( % ) | Đ 2<br>( % ) | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô tròn điểm phần nguyên | Tô tròn điểm phần lẻ |
|-----|----------|-----------------|-------|----------|---------------|--------------|--------------|-------------|----------------|--------------------------|----------------------|
| 35  | 14113460 | TRẦN THỊ THANH  | TÂM   | DH14NHNT | <i>Cam</i>    |              |              | 9           | 9              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 36  | 14113461 | NGUYỄN VŨ HƯNG  | THỐNG | DH14NHNT | <i>Tha</i>    |              |              | 9           | 9              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 37  | 14113462 | QUẢNG ĐẠI       | THU   | DH14NHNT | <i>Phuc</i>   |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 38  | 14113465 | VŨ THỊ KIM      | TRÂM  | DH14NHNT | <i>Kim</i>    |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 39  | 14113466 | NGUYỄN NGÔ XUÂN | TRÌNH | DH14NHNT | <i>Xuan</i>   |              |              | 6           | 6              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 40  | 14113467 | ĐÀN TRUNG       | TUYÊN | DH14NHNT | <i>Trung</i>  |              |              | 6           | 6              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 41  | 14113468 | ĐỖ THỊ CẨM      | TÚ    | DH14NHNT | <i>Cam</i>    |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 42  | 14113469 | VŨ VĂN          | TÚ    | DH14NHNT | <i>Cam</i>    |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 43  | 14113470 | NGUYỄN          | VƯƠNG | DH14NHNT | <i>Truong</i> |              |              | 6           | 6              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 44  | 14113471 | NGUYỄN THỊ THÚY | VY    | DH14NHNT | <i>Thuy</i>   |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 45  | 14113473 | PHAN THỊ MỸ     | YẾN   | DH14NHNT | <i>Yen</i>    |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |
| 46  | 14113482 | NGUYỄN THANH    | TRÍ   | DH14NHNT | <i>Tri</i>    |              |              | 8           | 8              | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9      | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9  |

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

*gfs*  
*hiep son*